

THÔNG BÁO

V/v đăng ký học Ngoại ngữ không chuyên khóa 43B&C, học kỳ 2 năm học 2022-2023

Căn cứ thông báo Số 349/TB-XHNV-ĐT về kế hoạch giảng dạy và học tập năm học 2022-2023 của Phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-XHNV-ĐT ngày 25 tháng 07 năm 2018 về việc Ban hành quy định tổ chức các lớp học Ngoại ngữ không chuyên và Chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;

Căn cứ vào kết quả thi cuối khóa Ngoại ngữ không chuyên tại Trung tâm Ngoại ngữ Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM phân công trong việc tổ chức đào tạo Ngoại ngữ không chuyên.

Trung tâm Ngoại ngữ thông báo thời gian đăng ký và nộp học phí Ngoại ngữ không chuyên khóa 43 B&C trong học kỳ 2, năm học 2022-2023 như sau:

1. Đối tượng đăng ký học

- Sinh viên khoá 2022 trở về trước của hệ chính quy chương trình chuẩn: Dựa vào kết quả thi cuối khóa để đăng ký trình độ học theo đúng quy định.
- Sinh viên các trường khác: Đăng ký học trình độ phù hợp.

2. Thời gian học

STT	Tên ca học S: sáng, C: chiều, T: tối	Khoa/bộ môn đăng ký học
1	CA 1 S.2-C.5 (4 tiết)	Văn học, Ngôn ngữ, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Lịch sử, Nhân học, Tôn giáo học, Triết học, Địa lý, Việt Nam học, Tâm lý, Ngữ văn Anh.
2	CA 2 C.2-S.5 (4 tiết)	Xã hội học, Thư viện học, Quản lý thông tin, Giáo dục, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Văn hoá học, Công tác xã hội, Đô thị học, Du lịch, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Đức, Ngữ văn Tây Ban Nha, Ngữ văn Ý.
3	CA 3 T.2-4-6 (3 tiết)	Dành cho tất cả các khoa/bộ môn.
4	CA 4 T.3-5-7 (3 tiết)	Dành cho tất cả các khoa/bộ môn.

3. Mức học phí (đối với tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức, tiếng Nga).

TT	Nội dung	Mức học phí
1	Tương đương trình độ A	1.300.000 đồng/lớp/khóa
2	Tương đương trình độ B	1.500.000 đồng/lớp/khóa

*** Lưu ý:**

- Đối với các Khoa/Bộ môn **Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Quan hệ quốc tế, Đông phương học** sinh viên chủ động đăng ký tham gia các lớp Ngoại ngữ không chuyên theo lịch trống của Khoa/Bộ môn để tham gia lớp học đầy đủ và hiệu quả nhất.

4. Thời gian đăng ký và hình thức học

- Thời gian đăng ký và đóng học phí: Từ thứ Hai ngày **27/3/2023** đến hết thứ Hai ngày **18/4/2023**, sau ngày **18/4/2023** hệ thống ghi danh và đóng học phí sẽ tự động đóng lại.

- Ngày khai giảng dự kiến: Thứ Hai ngày **24/04/2023**

- Hình thức học: Sinh viên học trực tiếp tại Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-DHQG-HCM cơ sở Thủ Đức.

5. Đăng ký và thanh toán học phí

Sinh viên đăng ký và đóng học phí bằng hình thức trực tuyến theo các bước sau:

5.1. Sinh viên đăng ký học tại website Trung tâm Ngoại ngữ theo đường dẫn

<https://ghidanhc1l.hcmussh.edu.vn/>

5.2. Sau khi đăng ký khóa học thành công, sinh viên sẽ nhận được email phản hồi từ Trung tâm Ngoại ngữ, vui lòng kiểm tra Email đăng ký để nhận **ID học viên**, sau đó làm theo các hướng dẫn cụ thể trong Email và chuyển khoản học phí đúng theo đúng quy định.

Thông tin liên lạc: Sinh viên xin vui lòng liên hệ chuyên viên Tư vấn tuyển sinh trong khung giờ hành chính tại văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ cơ sở Thủ Đức.

- Hoặc gửi thông tin về địa chỉ Email: ngoaingukhongchuyen@hcmussh.edu.vn

Để kế hoạch giảng dạy và học tập Ngoại ngữ không chuyên khóa 43 B&C được diễn ra thuận lợi, Trung tâm Ngoại ngữ đề nghị tất cả các sinh viên có liên quan nghiêm túc thực hiện thông báo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD (để báo cáo);
- Lưu: VP TT

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Hoàng Dũng

PHỤ LỤC

(Đính kèm CV số 29 v/v Điều chỉnh thông tin một số khoá học trong chương trình NNKC)

		Trình độ tương ứng theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam và theo khung tham chiếu châu Âu							
		A1		A2		B1			
STT	Ngoại ngữ	Năm I		Năm II		Năm III		Chuẩn xét lên năm 3	Chuẩn đầu ra (Theo CV 420/QĐ-XHNV-ĐT)
		Khoá 1	Khoá 2	Khoá 3	Khoá 4	Khoá 5	Khoá 6		
1	Tiếng Anh	TO1 (A1.1) (60 tiết)	TO2 (A1.2) (60 tiết)	TO3 (A2.1) (60 tiết)	TO4 (A2.2) (60 tiết)	TO5 (B1.1) (60 tiết)	TO6 (B1.2) (60 tiết)	CC tương đương Bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (hoặc có kết quả khoá TO4-A2.2)	B1
2	Tiếng Trung	HSK.1.1 (60 tiết)	HSK.1.2 (60 tiết)	HSK2.1 (60 tiết)	HSK2.2 (60 tiết)	HSK.3.1 (60 tiết)	HSK.3.2 (60 tiết)	CC HSK2 (hoặc có kết quả khoá HSK.2.2)	HSK3
3	Tiếng Nhật	N5.1 (80 tiết)	N5.2 (80 tiết)	N4.1 (80 tiết)	N4.2 (80 tiết)	N3.1 (80 tiết)	N3.2 (80 tiết)	CC JLPT N5, NATTEST Q5 (Hoặc có kết quả N4.2)	JLPT N4 hoặc NATTEST Q4
4	Tiếng Hàn	TK1.1 (80 tiết)	TK1.2 (80 tiết)	TK2.1 (80 tiết)	TK2.2 (80 tiết)	TK3.1 (80 tiết)	TK3.2 (80 tiết)	CC TOPIK2 (hoặc có kết quả khoá TK2.2)	TOPIK3
5	Tiếng Pháp	F1.1 (80 tiết)	F1.2 (80 tiết)	F2.1 (80 tiết)	F2.2 (80 tiết)	F3.1 (80 tiết)	F3.2 (80 tiết)	CC DELF A2 (hoặc có kết quả khoá F2.2)	DELF B1 TCF niveau 3
6	Tiếng Đức	G1.1 (80 tiết)	G1.2 (80 tiết)	G2.1 (80 tiết)	G2.2 (80 tiết)	G3.1 (80 tiết)	G3.2 (80 tiết)	CC Goethe Zertifikat A2 (hoặc có kết quả khoá G2.2)	B1 ZD (Goethe Zertifikat B1)
7	Tiếng Ý	I1.1 (60 tiết)	I1.2 (60 tiết)	I2.1 (60 tiết)	I2.2 (60 tiết)	I3.1 (60 tiết)	I3.2 (60 tiết)	CC PLIDA A2 (hoặc có kết quả khoá I2.2)	PLIDA B1
8	Tiếng Tây Ban Nha	S1.1 (80 tiết)	S1.2 (80 tiết)	S2.1 (80 tiết)	S2.2 (80 tiết)	S3.1 (80 tiết)	S3.2 (80 tiết)	CC DELE A2 (hoặc có kết quả khoá S2.2)	DELE B1
9	Tiếng Nga	R1.1 (80 tiết)	R1.2 (80 tiết)	R2.1 (80 tiết)	R2.2 (80 tiết)	R3.1 (80 tiết)	R3.2 (80 tiết)	CC A2 TBU (hoặc có kết quả khoá R2.2)	TRKI I